TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2018/HNGĐ-ST
Ngày:04-5-2018.
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:255/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phan Thị M**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Bùi Tấn L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Tấn L sống chung với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/7/2007. Quá trình sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh L hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh chị. Vợ chồng đã không còn sống chung khoảng 03 năm nay. Chị nhận thấy giữa chị và anh L không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Tấn L.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung tên là Bùi Tấn A, sinh ngày 27/9/2007 và Bùi Tấn T, sinh ngày 02/4/2011, hiện hai cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con cho đến khi trưởng thành. Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh L có nợ Ngân hàng C số tiền vay 30.000.000đồng, nợ bà Phạm Thị M số tiền 6.000.000đồng, 01 chỉ vàng 24k và nợ bà Phạm Thị C số tiền 13.000.000đồng. Chị yêu cầu chia đôi số nợ, chị và anh L mỗi người trả một nửa.

* Đối với bị đơn anh Bùi Tấn L: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Bùi Tấn L nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phan Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Tấn L, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Bùi Tấn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phan Thị M tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Bùi Tấn L có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Bùi Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đương sự: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2017, nguyên đơn chị Phan Thị M yêu cầu ly hôn với anh Bùi

Tấn L, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, về cấp dưỡng chị M thay đổi yêu cầu, cụ thể là chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị M không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị M.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Bùi Tấn L sống chung có đăng ký kết hôn năm 2006, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh L đã không còn khả năng đoàn tụ. Bởi lẽ anh chị chung sống không hạnh phúc, chị M cho rằng anh L hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên có hành vi đánh chị, anh chị đã không còn sống chung khoảng 03 năm nay. Quá trình ly thân anh, chị hoàn toàn không liên hệ hay quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L đến Tòa để hòa giải đoàn tụ với chị M nhưng anh L không đến và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến mong muốn đoàn tụ. Tại phiên Tòa chị M vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với L. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị M.

[5] Về con chung: Chị Phan Thị M yêu cầu trực tiếp nuôi con tên Bùi Tấn A, sinh ngày 27/9/2007 và Bùi Tấn T, sinh ngày 02/4/2011. Xét thấy các con chung của anh L, chị M đều chưa thành niên cần có người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và hai cháu đã sống chung với chị M từ lúc mới sinh ra cho đến nay, đồng thời nguyện vọng của hai cháu đều muốn tiếp tục sống chung với chị M. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Tấn L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[6] Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị M có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, nếu có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị M xác định chị và anh L có nợ Ngân hàng C số tiền vay 30.000.000đồng, nợ bà Phạm Thị M số tiền 6.000.000đồng, 01 chỉ vàng 24k và nợ bà Phạm Thị C số tiền 13.000.000đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng C, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị C không yêu cầu giải quyết số nợ này nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp giữa các bên thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị M được ly hôn với anh Bùi Tấn L.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Tấn A, sinh ngày 27/9/2007 và Bùi Tấn T, sinh ngày 02/4/2011 cho chị Phan Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Tấn L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Anh Bùi Tấn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phan Thị M chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị M phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Phan Thị M đã nộp theo biên lai thu số 18991 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị M đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Tấn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã L, TX.T, Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương